

Số: /TTr-ATLĐ

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

## **TỜ TRÌNH LÃNH ĐẠO BỘ**

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, đề án triển khai năm 2019, trong đó có Nghị định thay thế Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi thành một số điều của Luật ATVSLĐ về bảo hiểm TNLĐ, BNN bắt buộc. Đồng thời với việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP thì Thông tư thay thế Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH cũng phải ban hành.

Đến nay, Cục An toàn lao động đã tiến hành rà soát quy định hiện hành, đối chiếu với tình hình thực tiễn, làm rõ những hạn chế, vướng mắc và đề xuất Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư mới thay thế Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH.

Cục An toàn lao động báo cáo Thứ trưởng như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

Luật An toàn, vệ sinh lao động được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015 tại kỳ họp thứ 9 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016. Luật đã giao Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc. Đến nay, sau 3 năm triển khai Nghị định số 37/2016/NĐ-CP đã cho thấy còn nhiều vướng mắc và khó triển khai trong thực tế và đề xuất ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP. Ngoài ra, Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thi hành Nghị định số 37/2016/NĐ-CP cũng phải thay đổi cho phù hợp với nội dung của Nghị định mới thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP. Do đó Cục

An toàn lao động đề xuất Bộ ban hành Thông tư mới thay thế Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH.

### **1. Những vướng mắc**

- Một số được hướng dẫn tại Thông tư 26/2017/TT-BLĐTBXH chưa bảo đảm chặt chẽ về pháp lý và còn rườm rà, khó thực hiện. Cần thiết phải sửa đổi, bổ sung và quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP.

## **II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Thông tư có 10 điều (*Bỏ 09 Điều, sửa 01 điều*), bao gồm các nội dung chính sau:

**Chương I - Quy định chung:** Bao gồm 2 điều, từ Điều 01 đến Điều 2, quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng;

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:**

Cơ bản như Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Không thay đổi so với Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH

## **Chương II. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:**

Bao gồm 6 điều, từ điều 3 đến điều 8. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định mức suy giảm khả năng lao động lần đầu **Điều 3** (Điều 5 cũ). Giải quyết trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi thương tật, bệnh tật tái phát **Điều 4** (Điều 6 cũ). Giải quyết chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động đã hưởng trợ cấp một lần hoặc hằng tháng mà bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mới hoặc nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp được giám định tổng hợp **Điều 5** (Điều 7 cũ). Quy định về cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình và niên hạn cấp **Điều 6** (Điều 8 cũ). Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình **Điều 7** (Điều 9 cũ). Giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp cá biệt **Điều 8** (Điều 11 cũ); tại

Khoản 4 sửa thành tai nạn do các yếu tố bệnh lý trong quá trình lao động thì căn cứ kết luận điều tra của Đoàn điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật để giải quyết chế độ đối với người lao động,

### **Chương III. Tổ chức thực hiện**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Trên đây là báo cáo của Cục An toàn lao động về một số nội dung chủ yếu của dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/9/2017 quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

Để bảo đảm tiến độ xây dựng Thông tư, Cục An toàn lao động kính đề nghị Thứ trưởng Lê Tấn Dũng xem xét, ký công văn xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho dự thảo Thông tư.

Cục An toàn lao động xin gửi kèm bản dự thảo Thông tư và công văn xin ý kiến đề Thứ trưởng xem xét, chỉ đạo./.

**CỤC TRƯỞNG**

**Hà Tất Thắng**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /2019/TT-BLĐTBXH      Hà Nội, ngày      tháng      năm 2019

**THÔNG TƯ**

**QUY ĐỊNH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM TAI NẠN  
LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP BẮT BUỘC**

*Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành thông tư quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức;

b) Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân; hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

c) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

d) Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;

đ) Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;

e) Người làm việc theo hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

g) Người lao động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ thuộc các đối tượng quy định tại điểm c, d và đ khoản này.

2. Người lao động đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp mà bị bệnh nghề nghiệp trong thời gian bảo đảm theo quy định của Bộ Y tế.

3. Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng mà đang giao kết hợp đồng lao động thì thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội.

Các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này sau đây gọi tắt là người lao động.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 3. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định mức suy giảm khả năng lao động lần đầu.**

1. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần quy định tại Khoản 2 Điều 48 của Luật An toàn, vệ sinh lao động được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức trợ cấp một lần} &= \text{Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động} + \text{Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp} \\ &= \{5 \times L_{\min} + (m-5) \times 0,5 \times L_{\min}\} + \{0,5 \times L + (t-1) \times 0,3 \times L\} \end{aligned}$$

Trong đó:

- $L_{\min}$ : mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng.
- $m$ : mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (lấy số tuyệt đối  $5 \leq m \leq 30$ ).
- $L$ : Mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- $t$ : tổng số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Ví dụ 1: Ông A là công chức bị tai nạn lao động ngày 16 tháng 6 năm 2017. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ra viện ngày 05 tháng 7 năm 2017. Ông A được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 20%. Ông A có 10 năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 5 năm 2017 theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định với hệ số là 3,66. Mức lương cơ sở tại thời điểm tháng 7 năm 2017 là 1.300.000 đồng, thì mức trợ cấp tai nạn lao động một lần đối với ông A được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:  
 $5 \times 1.300.000 + (20 - 5) \times 0,5 \times 1.300.000 = 16.250.000$  (đồng)
- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:  
 $0,5 \times 3,66 \times 1.300.000 + (10 - 1) \times 0,3 \times 3,66 \times 1.300.000 = 15.225.600$  (đồng).
- Mức trợ cấp một lần của ông A là:  
 $16.250.000 + 15.225.600 = 31.475.600$  (đồng)

Ví dụ 2: Ông B bị tai nạn lao động ngày 12 tháng 5 năm 2017. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ra viện ngày 10 tháng 8 năm 2017. Ông B được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 20%.

Ông B bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 2016 thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, có 01 năm 4 tháng đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 4 năm 2017 với hệ số là 2,34; Với mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng tại thời điểm tháng 8 năm 2017, thì mức trợ cấp tai nạn lao động một lần đối với ông B được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$5 \times 1.300.000 + (20 - 5) \times 0,5 \times 1.300.000 = 16.250.000 \text{ (đồng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:  $0,5 \times 2.831.400 = 1.415.700$  (đồng)

(mức đóng bảo hiểm xã hội tháng 4 năm 2017 của ông B là:  $2,34 \times 1.210.000 = 2.831.400$  đồng)

- Mức trợ cấp một lần của ông B là:

$$16.250.000 + 1.415.700 = 17.665.700 \text{ (đồng)}$$

Ví dụ 3: Ông Đ bị tai nạn lao động tháng 8 năm 2016. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ông Đ được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 20%. Ông Đ có 14 năm đóng bảo hiểm xã hội (trong đó có 01 năm đóng bảo hiểm xã hội theo Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ, 02 năm đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, 01 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hai chế độ hưu trí, tử tuất và 10 năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp); mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 7 năm 2016 là 3.200.000 đồng; mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.210.000 đồng/tháng.

Ông Đ thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$5 \times 1.210.000 + (20 - 5) \times 0,5 \times 1.210.000 = 15.125.000 \text{ (đồng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$0,5 \times 3.200.000 + (10 - 1) \times 0,3 \times 3.200.000 = 10.240.000 \text{ (đồng)}$$

- Mức trợ cấp một lần của ông Đ là:

$$15.125.000 + 10.240.000 = 25.365.000 \text{ (đồng)}$$

Ví dụ 4: Ông B tham gia đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại doanh nghiệp X từ tháng 9 năm 2016 và bị tai nạn lao động vào ngày 16 tháng 9 năm 2016. Sau khi thương tật ổn định và được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động 20%, mức tiền lương đóng

bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 9 năm 2016 là 3.200.000 đồng. Mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.210.000 đồng/tháng. Ông B thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$5 \times 1.210.000 + (20-5) \times 0,5 \times 1.210.000 = 15.125.000 \text{ (đồng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:  $0,5 \times 3.200.000 = 1.600.000$  (đồng)

- Mức trợ cấp một lần của ông B là:

$$15.125.000 + 1.600.000 = 16.725.000 \text{ (đồng)}$$

2. Mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng quy định tại Khoản 2 Điều 49 của Luật An toàn, vệ sinh lao động được tính như sau:

Mức trợ cấp hằng tháng	=	Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động	+	Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
------------------------	---	--	---	---

Trong đó:

$$\{0,3 \times L_{\min} + (m-31) \times 0,02 \times L_{\min}\} + \{0,005 \times L + (t-1) \times 0,003 \times L\}$$

-  $L_{\min}$ : mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng.

- m: mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (lấy số tuyệt đối  $31 \leq m \leq 100$ ).

- L: Mức tiền lương, đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

- t: tổng số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

Ví dụ 5: Ông E trên đường đi họp bị tai nạn giao thông vào tháng 8 năm 2016. Sau khi điều trị ổn định thương tật ông E được giám định có mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động là 40%.

Ông E có 12 năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 7 năm 2016 là 3.400.000 đồng. Mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.210.000 đồng/tháng. Ông E thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:



$$0,3 \times 1.210.000 + (40 - 31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 580.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$0,005 \times 3.400.000 + (12 - 1) \times 0,003 \times 3.400.000 = 129.200 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp hằng tháng của ông E là:

$$580.800 \text{ đồng/tháng} + 129.200 \text{ đồng/tháng} = 710.000 \text{ (đồng/tháng)}.$$

Ví dụ 6: Ông M tham gia đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại doanh nghiệp X từ tháng 9 năm 2016 và bị tai nạn lao động vào ngày 05 tháng 9 năm 2016. Sau khi thương tật ổn định và được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động 40%, mức tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 9 năm 2016 là 3.400.000 đồng. Mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.210.000 đồng/tháng. Ông M thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

$$0,3 \times 1.210.000 + (40 - 31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 580.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:  $0,005 \times 3.400.000 = 17.000$  (đồng/tháng)

- Mức trợ cấp hằng tháng của ông E là:

$$580.800 \text{ đồng/tháng} + 17.000 \text{ đồng/tháng} = 597.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

Ví dụ 7: Ông Q có thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 12 năm 2017 với mức lương là 17.000.000 đồng/tháng. Có thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp Z từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018 và với mức lương là 5.000.000 đồng/tháng.

Ngày 09 tháng 01 năm 2017 ông Q bị tai nạn lao động. Như vậy, Doanh nghiệp Z vẫn phải đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong tháng 01 năm 2017 đối với ông Q và thời gian, tiền lương làm căn cứ để tính khoản trợ cấp tai nạn lao động theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với ông Q như sau:

- Thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động của ông Q chỉ được tính từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016.

- Tiền lương làm căn cứ tính hưởng trợ cấp theo thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của ông Q được xác định:

+ Là tổng tiền lương của tháng 12 năm 2016 tại Doanh nghiệp X và tiền lương của tháng 01 năm 2017 tại Doanh nghiệp Z nếu ông Q bị tai nạn lao động tại doanh nghiệp Z;

+ Là tiền lương của tháng 12/2016 tại Doanh nghiệp X nếu ông Q bị tai nạn lao động tại Doanh nghiệp X.

Ví dụ 8: Ông A giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X. Đồng thời, Ông A có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với Doanh nghiệp Y. Tháng 8 năm 2016, trên đường đi hội nghị theo sự phân công của người sử dụng lao động doanh nghiệp X thì Ông A bị tai nạn giao thông. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ông A được giám định có mức suy giảm khả năng lao động là 40%.

Ông A có 12 năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tổng mức tiền lương đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại doanh nghiệp X và Doanh nghiệp Y là 13.400.000 đồng. Mức lương cơ sở tại tháng bắt đầu hưởng trợ cấp tai nạn lao động là 1.210.000 đồng/tháng. Ông A thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động =  $0,3 \times 1.210.000 + (40 - 31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 580.800$  đồng/tháng.

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp =  $0,005 \times 13.400.000 + (12 - 1) \times 0,003 \times 13.400.000 = 509.200$  đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng là  $580.800 + 509.200 = 1.090.000$  đồng/tháng. Doanh nghiệp X có trách nhiệm lập hồ sơ và nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang đóng bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông A.

Ví dụ 9: Tháng 8 năm 2016, ông A đồng thời có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X và Doanh nghiệp Y. Ngày 20 tháng 8 năm 2016, trên đường đi hội nghị theo sự phân công của người sử dụng lao động doanh nghiệp X thì ông A bị tai nạn giao thông. Sau khi điều trị ổn định thương tật, ông A được giám định có mức suy giảm khả năng lao động là 40%.

Tổng mức tiền lương đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X và Doanh nghiệp Y là 13.400.000 đồng. Giả sử mức lương cơ sở tại tháng hưởng là 1.210.000 đồng/tháng. Ông A thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng với mức trợ cấp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động =  $0,3 \times 1.210.000 + (40 - 31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 580.800$  đồng/tháng.

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp =  $0,005 \times 13.400.000 = 67.000$  đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng là  $580.800$  đồng/tháng +  $67.000$  đồng/tháng =  $647.800$  đồng/tháng.

Doanh nghiệp X có trách nhiệm lập hồ sơ và nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang đóng bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông A.

3. Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng khi ra nước ngoài để định cư mà có yêu cầu thì được giải quyết hưởng trợ cấp một lần, mức trợ cấp một lần bằng 3 tháng mức trợ cấp đang hưởng.

Ví dụ 10: Bà A đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng với mức trợ cấp tại thời điểm tháng 12 năm 2016 là  $2.000.000$  đồng. Tháng 01 năm 2017 bà A ra nước ngoài định cư, bà A được hưởng mức trợ cấp một lần bằng:  $3 \times 2.000.000$  đồng =  $6.000.000$  đồng.

4. Người lao động bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thi hành nhiệm vụ được hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp hàng tháng bằng mức hưởng của người lao động bị bệnh nghề nghiệp do suy giảm khả năng lao động thấp nhất là 61% không phải qua giám định y khoa.

Trường hợp giám định y khoa mà tỷ lệ suy giảm khả năng lao động cao hơn thì mức hưởng được tính theo mức suy giảm khả năng lao động tại kết luận của Hội đồng Giám định y khoa và hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp trong trường hợp này phải có Biên bản giám định y khoa.

#### **Điều 4. Giải quyết trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi thương tật, bệnh tật tái phát**

1. Đối với người lao động đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007:

a) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007:

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động dưới 31% thì được hưởng mức trợ cấp một lần theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động trước khi giám định lại	Mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định lại	Mức trợ cấp một lần
Từ 5% đến 10%	Từ 10% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 11% đến 20%	4 tháng lương cơ sở
	Từ 21% đến 30%	8 tháng lương cơ sở
Từ 11% đến 20%	Từ 20% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 21% đến 30%	4 tháng lương cơ sở
Từ 21% đến 30%	Từ 30% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng. Mức hưởng theo quy định tại điểm b khoản này.

Ví dụ 11: Ông B bị tai nạn lao động tháng 10/2006 với mức suy giảm khả năng lao động là 21%, đã nhận trợ cấp một lần là 5.400.000 đồng. Tháng 3/2017, do thương tật tái phát ông B được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 45%. Ông B có mức suy giảm khả năng lao động thuộc nhóm 2, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng bằng 0,6 mức lương cơ sở.

Giả định mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.210.000 đồng/tháng. Mức trợ cấp hàng tháng của ông B là:  $0,6 \times 1.210.000 = 720.000$  (đồng/tháng).

b) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007, sau khi giám định lại thì căn cứ vào kết quả giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
Nhóm 1: Từ 31% đến 40%	0,4 tháng lương cơ sở
Nhóm 2: Từ 41% đến 50%	0,6 tháng lương cơ sở

Nhóm 3: Từ 51% đến 60%	0,8 tháng lương cơ sở
Nhóm 4: Từ 61% đến 70%	1,0 tháng lương cơ sở
Nhóm 5: Từ 71% đến 80%	1,2 tháng lương cơ sở
Nhóm 6: Từ 81% đến 90%	1,4 tháng lương cơ sở
Nhóm 7: Từ 91% đến 100%	1,6 tháng lương cơ sở

2. Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần từ ngày 01 tháng 01 năm 2007:

a) Sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động tăng so với trước đó và dưới 31% thì hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được tính bằng hiệu số giữa mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới với mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động trước đó.

Ví dụ 12: Ông C bị tai nạn lao động tháng 8/2013 với mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Tháng 10/2016, do thương tật tái phát ông C được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 30%. Mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.210.000 đồng/tháng. Ông C được hưởng mức trợ cấp một lần như sau:

$$\begin{aligned} & \{5 \times L_{\min} + (30 - 5) \times 0,5 \times L_{\min}\} - \{5 \times L_{\min} + (20 - 5) \times 0,5 \times L_{\min}\} = \\ & = (5 \times L_{\min} + 12,5 \times L_{\min}) - (5 \times L_{\min} + 7,5 \times L_{\min}) = 5 \times L_{\min} = \\ & = 5 \times 1.210.000 \text{ đồng} = 6.050.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Trong đó:

-  $L_{\min}$ : mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng.

b) Sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hằng tháng, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính trên mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội được tính với số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội đã tính hưởng trợ cấp một lần trước đó.

Ví dụ 13: Ông P bị tai nạn lao động tháng 8/2016 với mức suy giảm khả năng lao động là 20%. Tính đến trước tháng bị tai nạn lao động, ông P có 10 năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động là 3.500.000 đồng. Do thương tật tái phát, tháng 10/2018, ông P được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 32%. Giả sử mức lương cơ sở tại tháng có

kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.300.000 đồng/tháng. Ông P được hưởng mức trợ cấp hằng tháng tính theo công thức sau:

Mức trợ cấp hàng tháng	=	Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động	+	Mức trợ cấp tính theo số năm đóng BHXH
	=	$\{0,3 \times L_{\min} + (m-31) \times 0,02 \times L_{\min}\}$	+	$\{0,005 \times L + (t-1) \times 0,003 \times L\}$

Trong đó:

- $L_{\min}$ : mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng.
- m: mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (lấy số tuyệt đối  $31 \leq m \leq 100$ ).
- L: Mức tiền lương, đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này.
- t: tổng số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới là:

$$0,3 \times L_{\min} + (32 - 31) \times 0,02 \times L_{\min} = 0,3 \times L_{\min} + 0,02 \times L_{\min} = 0,32 \times L_{\min} = 0,32 \times 1.300.000 = 416.000 \text{ đồng}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là:

$$0,005 \times L + (10 - 1) \times 0,003 \times L = 0,005 \times L + 0,027 \times L = 0,032 \times L = 0,032 \times 3.500.000 = 112.000 \text{ đồng}$$

- Mức trợ cấp hằng tháng của ông P là:

$$416.000 \text{ đồng} + 112.000 \text{ đồng} = 528.000 \text{ đồng}$$

3. Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi, khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động thay đổi thì mức trợ cấp hằng tháng mới được tính theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính trên mức suy giảm khả năng lao động mới. Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng.

Ví dụ 14: Ông D bị tai nạn lao động tháng 9/2016 với mức suy giảm khả năng lao động là 40%, được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng, trong đó mức trợ cấp tính theo số năm tham gia quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hưởng là 112.000 đồng/tháng. Do thương tật tái phát, tháng 11/2018, ông D được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 45%. Giả định mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.300.000 đồng/tháng.

Ông D được hưởng mức trợ cấp hàng tháng tính theo công thức sau:

Mức trợ cấp hàng tháng = Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động + Mức trợ cấp tính theo số năm đóng BHXH

Trong đó:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới là:

$0,3 \times 1.300.000 + (45-31) \times 0,02 \times 1.300.000 = 754.000$  (đồng/tháng)

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là mức hiện hưởng bằng 112.000 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng mới của ông D là:

$754.000 \text{ đồng} + 112.000 \text{ đồng} = 866.000 \text{ đồng}$

4. Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tính theo mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng Giám định y khoa.

5. Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định lại sau khi thương tật, bệnh tật tái phát, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã được giám định nhưng không đủ điều kiện về mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp; bản sao hợp lệ (là bản sao được chứng thực sao từ sổ gốc hoặc sao từ bản chính hoặc bản sao đã được đối chiếu với bản chính) hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp đã được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c) Biên bản điều tra tai nạn lao động hoặc bản sao có chứng thực Hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp điều trị xong, ra viện trước ngày 01/7/2016 mà lần giám định trước không đủ điều kiện về mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm một trong các giấy tờ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông hoặc Biên bản tai nạn giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự quân đội.

d) Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động lần trước gần nhất của Hội đồng Giám định y khoa đối với trường hợp đã được giám định nhưng không đủ điều kiện về mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp.

đ) Biên bản giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi điều trị thương tật, bệnh tật tái phát của Hội đồng giám định y khoa.

e) Chi định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chính hình, phục hồi chức năng theo quy định về việc trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chính hình (nếu có).

**Điều 5. Giải quyết chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động đã hưởng trợ cấp một lần hoặc hằng tháng mà bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mới hoặc nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp được giám định tổng hợp**

1. Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần hoặc hằng tháng mà từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mới thì tùy thuộc vào mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp để giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trong đó:

a) Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới được tính theo mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa hoặc tại tháng được cấp giấy xác nhận nhiễm HIV/AIDS.

b) Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp được tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đến thời điểm bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng và mức tiền lương tháng đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này của lần bị tai nạn lao động hoặc được xác định mắc bệnh nghề nghiệp sau cùng.

Ví dụ 15: Bà K có thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến tháng 10 năm 2017 với mức lương là 15.000.000 đồng/tháng. Ngày 09/7/2016 bà K bị tai nạn lao động, được hội đồng giám định y khoa giám định mức suy giảm khả năng lao động là 20%, bà K đã được hưởng chế độ tai nạn lao động một lần. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 bà K có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với Doanh nghiệp Z với mức lương là 4.000.000 đồng/tháng. Ngày 21/3/2017, Bà K tiếp tục bị tai nạn lao động và được hội đồng giám định y khoa giám định mức suy giảm khả năng lao động tổng hợp là 27%.

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động khi được giám định tổng hợp:

$$5 \times 1.210.000 + (27 - 5) \times 0,5 \times 1.210.000 = 19.360.000 \text{ đồng}$$

- Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

+ Thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là: từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017 và từ tháng 01/2017 đến tháng 02 năm 2017 bằng 28 tháng. Do thời



gian tham gia trùng từ tháng 1/2017 đến tháng 2/2017, nên thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là 26 tháng bằng 2 năm 2 tháng

+ Mức lương tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là: 15.000.000 đồng + 4.000.000 đồng = 19.000.000 đồng

+ Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bằng:

$$0,5 \times 19.000.000 + (2-1) \times 0,3 \times 19.000.000 = 15.200.000 \text{ đồng}$$

- Mức trợ cấp tai nạn lao động mới là:

$$19.360.000 \text{ đồng} + 15.200.000 \text{ đồng} = 34.560.000 \text{ đồng}$$

Ví dụ 16: Ông G bị tai nạn lao động tháng 8/2016 với mức suy giảm khả năng lao động là 40%. Tháng 10/2016 ông G lại bị tai nạn lao động, được điều trị tại bệnh viện. Sau khi điều trị ổn định, tháng 11/2016 ông G ra viện và tháng 12/2016 ông được giám định tổng hợp tại Hội đồng giám định y khoa với mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định tổng hợp là 45%. Tính đến tháng 9/2016, ông G có 13 năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mức tiền lương đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 9/2016 là 3.680.000 đồng. Giá định mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng Giám định y khoa là 1.210.000 đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng của ông G được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động sau khi được giám định tổng hợp:

$$0,3 \times 1.210.000 + (45 - 31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 701.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$0,005 \times 3.680.000 + (13 - 1) \times 0,003 \times 3.680.000 = 150.880 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp hàng tháng mới của ông G là:

$$701.800 \text{ đồng/tháng} + 150.880 \text{ đồng/tháng} = 852.680 \text{ (đồng/tháng)}$$

Ví dụ 17: Ông A có thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp X từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến tháng 10 năm 2015 với mức lương là 20.000.000 đồng/tháng. Ngày 01/3/2014 ông bị tai nạn lao động, được hội đồng giám định y khoa giám định tỷ lệ thương tật là 45%, được hưởng chế độ tai nạn lao động hàng tháng. Từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 ông A có thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Doanh nghiệp Y với mức lương 24.200.000 đồng/tháng. Đồng thời, ông A có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với Doanh

nghiệp Z từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016 với mức lương là 3.000.000 đồng/tháng.

Ngày 01/12/2016, ông A bị tai nạn lao động, được Hội đồng giám định y khoa kết luận tỷ lệ thương tật là 58%. Giả định mức lương cơ sở tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.210.000 đồng/tháng. Trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của ông A được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động khi được giám định tổng hợp:

$$0,3 \times 1.210.000 + (58-31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 1.016.400 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

+ Mức lương tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là:

$24.200.000 + 3.000.000 = 27.200.000$  (đồng) lớn hơn 20 lần lương cơ sở nên chỉ được tính bằng 20 lần lương cơ sở = 24.200.000 đồng.

+ Thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là: 34 tháng (từ tháng 01/2013 đến tháng 10/2015) + 11 tháng (từ tháng 01/2016 đến tháng 11 năm 2016) = 45 tháng = 3 năm 09 tháng

Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bằng:

$$0.005 \times 24.200.000 + (3-1) \times 0.003 \times 24.200.000 = 266.200 \text{ đồng}$$

- Mức trợ cấp tai nạn lao động mới là:

$$1.016.400 + 266.200 = 1.282.600 \text{ (đồng/tháng)}$$

2. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở nhiều hợp đồng lao động, sau đó tiếp tục bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà tại thời điểm bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với số lượng hợp đồng lao động ít hơn số lượng hợp đồng lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lần trước mà mức trợ cấp theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi tính theo Khoản 1 Điều này thấp hơn mức hiện hưởng thì giữ nguyên mức hiện hưởng.

Ví dụ 18: Trường hợp ông A nêu tại ví dụ 17, giả sử hợp đồng của Ông A với Doanh nghiệp Z từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến tháng 12 năm 2018 với mức lương là 3.000.000 đồng/tháng.

Ngày 01/3/2018, ông A tiếp tục bị tai nạn lao động, được Hội đồng giám định y khoa kết luận tỷ lệ thương tật là 70%. Giả định mức lương cơ sở tại tháng có

kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa là 1.210.000 đồng/tháng. Trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng của ông A được tính như sau:

- Mức trợ cấp hiện hưởng của Ông A là: 1.282.600 (đồng/tháng)

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động khi được giám định tổng hợp:

$$0,3 \times 1.210.000 + (70-31) \times 0,02 \times 1.210.000 = 1.306.800 \text{ (đồng/tháng)}$$

- Thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là: 34 tháng (từ tháng 01/2013 đến tháng 10/2015) + 26 tháng (từ tháng 01/2016 đến tháng 02 năm 2018) = 60 tháng = 5 năm

+ Mức lương tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động là: 3.000.000 (đồng).

+ Thời gian tính hưởng trợ cấp tai nạn lao động mới là: 5 năm.

Mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bằng:

$$0.005 \times 3.000.000 + (5 - 1) \times 0.003 \times 3.000.000 = 51.000 \text{ đồng}$$

Như vậy mức trợ cấp mới tính theo số năm đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thấp hơn mức đang hưởng, nên giữ nguyên như mức hiện hưởng là 266.200 đồng

- Mức trợ cấp tai nạn lao động mới là:

$$1.306.800 + 266.200 = 1.573.000 \text{ (đồng)}$$

3. Thời điểm hưởng trợ cấp được tính kể từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện của lần điều trị đối với tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng hoặc từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa trong trường hợp không điều trị nội trú hoặc trong trường hợp không xác định được thời điểm điều trị ổn định xong, ra viện.

4. Hồ sơ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp do tiếp tục bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội; Bản sao hợp lệ (là bản sao được chứng thực sao từ sổ gốc hoặc sao từ bản chính hoặc bản sao đã được đối chiếu với bản chính) hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp đã được giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi đã điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của lần điều trị nội trú sau cùng.

c) Biên bản điều tra tai nạn lao động; trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm một trong các giấy tờ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông hoặc biên bản tai nạn

giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự quân đội đối với trường hợp điều trị xong, ra viện trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động.

d) Bản sao có chứng thực Hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp điều trị xong, ra viện trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động.

đ) Biên bản giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định của Hội đồng giám định y khoa; trường hợp lần bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trước đã được giám định mức suy giảm khả năng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thì có thêm biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của lần giám định đó.

e) Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo mẫu đối với lần bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng; trường hợp lần bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trước đó nhưng chưa được giải quyết chế độ thì có thêm văn bản đề nghị giải quyết của đơn vị nơi đã xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trước.

g) Chi định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng theo quy định về việc trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình (nếu có).

#### **Điều 6. Quy định về cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình và niên hạn cấp.**

1. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chi định tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng).

2. Loại phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình và niên hạn

- a) Tay giả;
- b) Máng nhựa tay;
- c) Chân giả;
- d) Máng nhựa chân;
- đ) Một đôi giày hoặc một đôi dép chỉnh hình;
- e) Nẹp đùi, nẹp cẳng chân;
- g) Áo chỉnh hình;

h) Xe lăn hoặc xe lắc hoặc phương tiện thay thế bằng mức tiền cấp mua xe lăn hoặc xe lắc;

i) Nạng;

k) Máy trợ thính;

l) Lắp mắt giả;

m) Làm răng giả theo số răng bị mất; lắp hàm giả do hỏng hàm;

n) Mua các đồ dùng phục vụ sinh hoạt đối với trường hợp bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn hoặc bị tâm thần thể kích động.

Trường hợp vừa bị thể tâm thần kích động đồng thời bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn chỉ được cấp một lần tiền để mua các đồ dùng sinh hoạt;

o) Trường hợp cấp xe lăn hoặc xe lắc đồng thời cấp chân giả thì thời hạn sử dụng của mỗi phương tiện là 06 năm.

3. Mức tiền cấp mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình (bao gồm cả tiền mua vật phẩm phụ, bảo trì phương tiện), niên hạn cấp theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Việc cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình (bao gồm cả tiền mua vật phẩm phụ, bảo trì phương tiện) cho cả niên hạn sử dụng được thực hiện cùng một lần.

### **Điều 7. Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình**

1. Người được cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội chỉ định của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng có thẩm quyền về việc sử dụng phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình.

2. Cơ quan Bảo hiểm xã hội

a) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ hợp lệ quy định tại Khoản 1 Điều này, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, ra quyết định cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Trường hợp giấy tờ nộp không hợp lệ thì trong thời gian 03 ngày làm việc phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do kèm theo toàn bộ giấy tờ đã nộp cho người đề nghị.

### **Điều 8. Giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp cá biệt**

1. Đối với trường hợp người lao động sau khi về hưu mới đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động thì người sử dụng lao động nơi người bị tai nạn lao động lập thủ tục hồ sơ chuyên cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi chi trả lương hưu và trong trường hợp này hồ sơ không gồm sổ bảo hiểm xã hội. Trường hợp đơn vị đang làm thủ tục giải thể thì Hội đồng giải thể có trách nhiệm lập thủ tục hồ sơ; nếu đơn vị đã giải thể thì cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp chịu trách nhiệm lập thủ tục hồ sơ.

2. Trường hợp người lao động đồng thời giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động mà bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì đơn vị nơi phân công nhiệm vụ, công việc cho người lao động lập hồ sơ và đề nghị giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Trường hợp người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, khi kết thúc công việc với người sử dụng lao động này và trên đường đi tới địa điểm làm việc theo hợp đồng lao động với người sử dụng lao động khác mà bị tai nạn trên đường đi thì được xác định là tai nạn lao động. Đơn vị nơi người lao động đến làm việc được xác định là đơn vị nơi người lao động bị tai nạn lao động và người sử dụng lao động của đơn vị đó phải chịu trách nhiệm lập hồ sơ và đề nghị giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động cho người lao động.

4. Tai nạn do các yếu tố bệnh lý trong quá trình lao động thì căn cứ kết luận điều tra của Đoàn điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật để giải quyết chế độ đối với người lao động.

5. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời gian không đăng ký đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì người sử dụng lao động có trách nhiệm giải quyết quyền lợi đối với người lao động theo Khoản 4 Điều 39 của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

##### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện và đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết vướng mắc, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn thực hiện việc tham gia đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; ghi, xác nhận quá trình đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc trên sổ bảo hiểm xã hội đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với một hoặc nhiều người sử dụng lao động để làm căn cứ giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định và có trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động đang công tác trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW các đoàn thể và các Hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty hạng đặc biệt;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đảng Công báo;
- Cổng TTĐT của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ, PC.

**Lê Tấn Dũng**

## PHỤ LỤC I

### MỨC TIỀN CẤP MUA PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ CHÍNH HÌNH, VẬT PHẨM PHỤ VÀ VẬT DỤNG KHÁC

(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Số TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Niên hạn cấp	Mức cấp (đồng)
1	Tay giả tháo khớp vai	03 năm	2.800.000
2	Tay giả trên khuỷu	03 năm	2.600.000
3	Tay giả dưới khuỷu	03 năm	2.000.000
4	Chân tháo khớp hông	03 năm	4.800.000
5	Chân giả trên gối	03 năm	2.200.000
6	Nhóm chân giả tháo khớp gối	03 năm	2.800.000
7	Chân giả dưới gối có bao da đùi	03 năm	1.800.000
8	Chân giả dưới gối có dây đeo số 8	03 năm	1.600.000
9	Chân giả tháo khớp cổ chân	03 năm	1.750.000
10	Nhóm nẹp Ụ ngồi-Đai hông	03 năm	2.500.000
11	Nẹp đùi	03 năm	950.000
12	Nẹp cẳng chân	03 năm	800.000
13	Nhóm máng nhựa chân và tay	05 năm	3.000.000
14	Giày chỉnh hình	01 năm	1.300.000
15	Đép chỉnh hình	01 năm	750.000
16	Áo chỉnh hình	05 năm	1.980.000
17	Xe lắc tay	04 năm	4.100.000
18	Xe lăn tay	04 năm	2.250.000
19	Nạng cho người bị cứng khớp gối	02 năm	500.000
20	Máy trợ thính	02 năm	1.000.000
21	Răng giả	05 năm	1.000.000/chiếc
22	Hàm giả (chỉ cấp một lần duy nhất)		4.000.000
23	Mắt giả (chỉ cấp một lần duy nhất)		5.000.000



24	Vật phẩm phụ:		
	- Người được cấp chân giả	01 niên hạn	510.000
	- Người được cấp tay giả	01 niên hạn	180.000
	- Người được cấp áo chỉnh hình	01 niên hạn	750.000
25	Bảo trì phương tiện đối với trường hợp được cấp tiền mua xe lăn, xe lắc	01 năm	300.000
26	Kính râm và gậy dò đường	01 năm	100.000
27	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt	01 năm	1.000.000

Số: *3526*/TB-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày *15* tháng *8* năm 2019

## **THÔNG BÁO**

### **Tình hình tai nạn lao động 6 tháng đầu năm 2019**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo đến các ngành, các địa phương tình hình tai nạn lao động 6 tháng đầu năm 2019 và một số giải pháp chủ yếu nhằm chủ động ngăn ngừa sự cố và tai nạn lao động 6 tháng cuối năm 2019.

Theo báo cáo của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 6 tháng đầu năm 2019 trên toàn quốc đã xảy ra 3.468 vụ tai nạn lao động (TNLĐ) làm 3.635 người bị nạn (bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động) trong đó:

- Số người chết vì TNLĐ: 425 người (trong đó, khu vực có quan hệ lao động: 284 người, giảm 2,40% so với 6 tháng đầu năm 2018; khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: 141 người, tăng 51,61% so với 6 tháng đầu năm 2018);

- Số vụ TNLĐ chết người: 398 vụ (trong đó, khu vực có quan hệ lao động: 265 vụ, giảm 3,99% so với 6 tháng đầu năm 2018; khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: 133 vụ, tăng 52,9% so với 6 tháng đầu năm 2018);

- Số người bị thương nặng: 884 người (trong đó, khu vực có quan hệ lao động: 721 người, tăng 5,71% so với 6 tháng đầu năm 2018; khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: 163 người, tăng 24,4% so với 6 tháng đầu năm 2018);

- Nạn nhân là lao động nữ: 1.242 người (trong đó, khu vực có quan hệ lao động: 1.158 người, giảm 2,11% so với 6 tháng đầu năm 2018; khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: 84 người, giảm 46,83% so với 6 tháng đầu năm 2018);

- Số vụ TNLĐ có hai người bị nạn trở lên: 61 vụ (trong đó, khu vực có quan hệ lao động: 46 vụ, tăng 6,98% so với 6 tháng đầu năm 2018; khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: 15 vụ, tăng 16,4% so với 6 tháng đầu năm 2018).

\* Tình hình TNLĐ trong khu vực có quan hệ lao động giảm so với 6 tháng đầu năm 2018 cả về số người chết và số vụ TNLĐ chết người. Khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động tăng 25% so với 6 tháng đầu năm 2018 do việc chấp hành báo cáo TNLĐ trong khu vực này tốt hơn so với 6 tháng đầu năm 2018 (6 tháng đầu năm 2019 là 60/63 so với 6 tháng đầu năm 2018 là 48/63 địa phương tổng hợp báo cáo).

(Chi tiết tại Phụ lục số 01).

Những địa phương có số người chết vì TNLĐ nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm 2019 bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động như: thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội; các tỉnh: Hải Dương, Bình Dương, Quảng Ninh, Nghệ An, Thái Nguyên.

## **A. TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRONG KHU VỰC CÓ QUAN HỆ LAO ĐỘNG**

### **I. TÌNH HÌNH CHUNG**

#### **1. Số vụ tai nạn lao động**

Theo báo cáo của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 6 tháng đầu năm 2019 trên toàn quốc đã xảy ra 3.080 vụ TNLĐ làm 3.199 người bị nạn trong đó:

- Số người chết: 284 người;
- Số vụ TNLĐ chết người: 265 vụ;
- Số người bị thương nặng: 721 người;
- Nạn nhân là lao động nữ: 1.158 người;
- Số vụ TNLĐ có hai người bị nạn trở lên: 46 vụ.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02).*

Những địa phương có nhiều người chết vì TNLĐ trong khu vực có quan hệ lao động như: thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội; các tỉnh: Hải Dương, Bình Dương, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Đồng Nai.

#### **2. So sánh tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2019 với 6 tháng đầu năm 2018**

Qua các số liệu thống kê về tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu thống kê</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	<b>Tăng (+) /giảm(-)</b>
1	Số vụ	3.365	3.080	-285(-8,5%)
2	Số nạn nhân	3.432	3.199	-233(-6,8%)
3	Số vụ có người chết	276	265	-11(-3,99%)
4	Số người chết	291	284	-7(-2,40%)
5	Số người bị thương nặng	682	721	+39(+5,71%)
6	Số nạn nhân là lao động nữ	1.183	1.158	-25(-2,11%)

7	Số vụ có 2 người bị nạn trở lên	43	46	+3(+6,98%)
---	---------------------------------	----	----	------------

*Bảng 1: So sánh tình hình TNLD 6 tháng đầu năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2018 khu vực có quan hệ lao động.*

### **3. Một số vụ TNLD nghiêm trọng, xử lý trách nhiệm đối với vụ TNLD xảy ra trong 6 tháng đầu năm 2019**

- Diễn hình một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng (làm chết từ 02 người trở lên và bị thương nhiều người) tại các địa phương như: Cao Bằng, Hải Dương, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Bến Tre, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu; xảy ra trong các lĩnh vực xây dựng, khai thác khoáng sản, đánh bắt thủy hải sản;

- Ngoài một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng đang trong quá trình điều tra, chưa có hình thức xử lý, 6 tháng đầu năm 2019 có 08 vụ đề nghị khởi tố, 09 vụ đã có Quyết định khởi tố của cơ quan Cảnh sát điều tra.

*(Chi tiết tại Phụ lục 03).*

### **4. Tình hình tai nạn lao động trong lĩnh vực đặc thù**

- Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng 6 tháng đầu năm 2019, xảy ra 31 vụ tai nạn lao động, làm 41 người bị nạn (23 người chết, 05 người bị thương nặng, 13 người bị thương nhẹ), trong đó: 12 vụ do phương tiện vận tải, 04 vụ do điện, 04 vụ do huấn luyện, 03 vụ do tiếp xúc với đạn dược, vật liệu nổ, chất dễ cháy nổ, 02 vụ do ngã cao, 02 vụ do đuối nước, 01 vụ do sập hầm, 01 vụ do vật dè rơi, 02 vụ do các nguyên nhân khác. Cơ bản các vụ TNLD, cháy nổ đã được các cơ quan đơn vị khai báo, điều tra, thống kê báo cáo theo đúng quy định. Tuy nhiên, một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng, chết người, tai nạn lao động bị thương nặng khai báo chưa kịp thời hoặc chưa đầy đủ, tổ chức điều tra một số vụ tai nạn lao động còn chậm tiến độ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an báo cáo không có vụ tai nạn lao động xảy ra trong lĩnh vực quản lý.

- Các Bộ: Y tế, Giao thông vận tải, Công Thương chưa có báo cáo tai nạn lao động trong lĩnh vực đặc thù.

## **II. PHÂN TÍCH CÁC VỤ TNLD TỪ CÁC BIÊN BẢN ĐIỀU TRA TẠI NẠN LAO ĐỘNG TRONG KHU VỰC CÓ QUAN HỆ LAO ĐỘNG**

Phân tích từ các biên bản điều tra tai nạn lao động chết người nhận được, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có một số đánh giá như sau:

### **1. Tình hình tai nạn lao động chết người theo loại hình cơ sở sản xuất**

- Loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm 36,11 % số vụ tai nạn chết người và 35,45 % số người chết;

- Loại hình công ty cổ phần chiếm 28,83 % số vụ tai nạn chết người và 29,47 % số người chết;

- Loại hình doanh nghiệp nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp chiếm 14,41 % số vụ tai nạn chết người và 14,01 % số người chết;

- Loại hình doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể chiếm 7,3 % số vụ tai nạn và 7,41 % số người chết.

## **2. Những lĩnh vực sản xuất kinh doanh xảy ra nhiều tai nạn lao động chết người**

- Lĩnh vực xây dựng chiếm 18,8% tổng số vụ tai nạn và 17,89 % tổng số người chết;

- Lĩnh vực Dệt may, da giày chiếm 10,56 % tổng số vụ và 10,86 % tổng số người chết;

- Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 10,32 % tổng số vụ và 10,23 % tổng số người chết;

- Lĩnh vực khai thác mỏ, khai thác khoáng sản chiếm 9.35% tổng số vụ và 10,23 tổng số người chết;

- Lĩnh vực cơ khí, luyện kim chiếm 7,2 % tổng số vụ và 7,2 % tổng số người chết;

- Lĩnh vực dịch vụ chiếm 5,5 % tổng số vụ và 5,24 % tổng số người chết.

## **3. Các yếu tố chấn thương chủ yếu làm chết người nhiều nhất**

- Ngã từ trên cao chiếm 22,27 % tổng số vụ và 22,38 % tổng số người chết;

- Tai nạn giao thông chiếm 19,09 % tổng số vụ và 19,2 % tổng số người chết;

- Điện giật chiếm 16,38 % tổng số vụ và 15,76 % tổng số người chết;

- Vật rơi, đổ sập chiếm 11,38% tổng số vụ và 11,53% tổng số người chết;

- Máy, thiết bị cán, kẹp, cuốn chiếm 10,82 % tổng số vụ và 9,92 % tổng số người chết;

- Vật văng bắn chiếm 6,12% tổng số vụ và 5,39 % tổng số người chết.

## **4. Các nguyên nhân chủ yếu để xảy ra tai nạn lao động chết người**

*\* Nguyên nhân do người sử dụng lao động chiếm 47,2 %, cụ thể:*

- Người sử dụng lao động không xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn chiếm 24,25 % tổng số vụ;

- Do tổ chức lao động và điều kiện lao động chiếm 10,46 % tổng số vụ;

- Người sử dụng lao động không huấn luyện an toàn lao động hoặc huấn luyện an toàn lao động chưa đầy đủ cho người lao động chiếm 7,03 % tổng số vụ;

- Thiết bị không đảm bảo an toàn lao động chiếm 3,96 % tổng số vụ;

- Do người sử dụng lao động không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động chiếm 1,5%.

\* Nguyên nhân người lao động vi phạm quy trình quy chuẩn an toàn lao động chiếm 16,96 % tổng số số vụ.

Còn lại 35,84 % là những vụ tai nạn lao động xảy ra do các nguyên nhân khác như: tai nạn giao thông, nguyên nhân tai nạn lao động do người khác, khách quan khó tránh...

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH TNLĐ VÀ VIỆC ĐIỀU TRA, BÁO CÁO TNLĐ XẢY RA TRONG KHU VỰC CÓ QUAN HỆ LAO ĐỘNG**

#### **1. Tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018**

Trong 6 tháng đầu năm 2019, trong khu vực có quan hệ lao động số vụ TNLĐ giảm 8,5%, tổng số nạn nhân giảm 6,8%, số vụ có người chết giảm 3,99%, số người chết giảm 2,40%, số người bị thương nặng tăng 5,71%, nạn nhân là lao động nữ giảm 2,11%, số vụ có từ 02 nạn nhân trở lên tăng 6,98% (Chi tiết tại Bảng 1 nêu trên).

#### **2. Tình hình điều tra tai nạn lao động**

- Đa số các vụ tai nạn lao động đã được khai báo và điều tra đúng quy định. Tuy nhiên một số địa phương còn chậm gửi biên bản điều tra về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; số biên bản nhận được chỉ chiếm 25,21 % tổng số vụ TNLĐ chết người.

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đồng Nai là những địa phương báo cáo kịp thời biên bản điều tra tai nạn lao động theo thẩm quyền về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo dõi.

#### **3. Chất lượng báo cáo tai nạn lao động 6 tháng đầu năm 2019**

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, 63/63 địa phương đã thực hiện việc báo cáo tình hình tai nạn lao động theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, tỉnh Gia Lai là tỉnh có báo cáo sớm nhất nhưng số liệu không đầy đủ (thiếu số liệu tháng 6/2019); một số địa phương báo cáo chậm: Tiền Giang, Tây Ninh, Lâm Đồng, Yên Bái.

- Tỷ lệ báo cáo của các doanh nghiệp về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội còn thấp. Trong 6 tháng đầu năm 2019 có khoảng 4,3% doanh nghiệp báo cáo về tình hình tai nạn lao động. Số doanh nghiệp chấp hành báo cáo tình hình tai nạn lao động chưa đầy đủ, do vậy việc tổng hợp, đánh giá tình hình tai nạn lao động trên toàn quốc còn gặp nhiều khó khăn.

#### **4. Thiệt hại về vật chất**

Theo số liệu báo cáo sơ bộ của các địa phương, thiệt hại về vật chất do tai nạn lao động xảy ra 6 tháng đầu năm 2019 như sau: chi phí tiền thuốc, mai táng, tiền bồi thường cho gia đình người chết và những người bị thương,... là 3.317 tỷ đồng; thiệt hại về tài sản là 2,888 tỷ đồng; tổng số ngày nghỉ do tai nạn lao động là 43.854 ngày.

## B. TÌNH HÌNH TNLĐ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

### I. TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Theo báo cáo của 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên toàn quốc đã xảy ra 388 vụ TNLĐ làm 436 người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động bị nạn trong đó:

- Số người chết: 141 người;
- Số vụ TNLĐ chết người: 133 vụ;
- Số vụ TNLĐ có 2 người bị nạn trở lên: 15 vụ;
- Số người bị thương nặng: 163 người;
- Nạn nhân là lao động nữ: 84 người.

(Chi tiết tại Phụ lục số 04).

Các vụ TNLĐ xảy ra chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, may, thêu, khai thác thủy sản, nông nghiệp. Các địa phương có số người chết vì tai nạn lao động nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm 2019 là: Hà Nội, Nghệ An, Phú Yên, Điện Biên,...

Theo số liệu thống kê về tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu thống kê	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019	Tăng (+) /giảm(-)
1	Số vụ	623	388	-235(-37,72%)
2	Số nạn nhân	670	436	-234(-34,92%)
3	Số vụ có người chết	87	133	+46(+52,9%)
4	Số người chết	93	141	+48(+51,6%)
5	Số người bị thương nặng	131	163	+32(+24,4%)
6	Số lao động nữ	158	84	-74(-46,84%)
7	Số vụ có 2 người bị nạn trở lên	13	15	+2(+15,4%)

Bảng 2: So sánh tình hình TNLĐ 6 tháng đầu năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2018 khu vực không có quan hệ lao động.

## **II. TÌNH HÌNH ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Trong 6 tháng đầu năm 2019, một số địa phương đã thực hiện gửi biên bản điều tra tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động như: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương,... Tuy nhiên, công tác điều tra tai nạn lao động đối với khu vực không có hợp đồng lao động chưa được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc lập biên bản ghi nhận tai nạn lao động đối với người làm việc không theo hợp đồng lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai còn rất hạn chế.

Đã có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo thống kê tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; trong đó có 43 địa phương báo cáo có xảy ra tai nạn lao động, 17 địa phương báo cáo không xảy ra tai nạn lao động (chi tiết tại Phụ lục 04); 03 địa phương chưa có báo cáo: Gia Lai, Quảng Nam, Quảng Bình. Số địa phương gửi báo cáo theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 25%.

### **C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

Căn cứ vào tình hình và nguyên nhân xảy ra tai nạn lao động trong 6 tháng đầu năm 2019, để chủ động phòng ngừa và hạn chế tai nạn lao động trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức, người sử dụng lao động, người lao động quan tâm triển khai thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

1. Các Bộ, ngành chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc ngành và lĩnh vực quản lý chủ động kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng như: xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, da giày, khai thác mỏ, khoáng sản đặc biệt là các công trình xây dựng trọng điểm, tiếp giáp với khu dân cư, đông người qua lại;

2. Bộ Y tế tăng cường triển khai hướng dẫn và đôn đốc việc thống kê TNLĐ tại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế theo Khoản 4 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 25 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo đúng quy định;

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương



- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định an toàn, vệ sinh lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn, chú ý đến hoạt động xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn tại doanh nghiệp; thực hiện báo cáo tai nạn lao động theo Luật An toàn, vệ sinh lao động;

- Tăng cường tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với từng lĩnh vực và ngành nghề, ưu tiên việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động;

- Tăng cường tổ chức điều tra tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động;

- Tăng cường triển khai công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với sự hỗ trợ từ quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện trong việc thống kê, báo cáo tai nạn lao động đối với người làm việc không theo hợp đồng lao động; lập biên bản ghi nhận tai nạn lao động đối với người làm việc không theo hợp đồng lao động;

- Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an cấp tỉnh phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh triển khai xây dựng quy chế phối hợp điều tra tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động khác có dấu hiệu tội phạm.

4. Các doanh nghiệp tăng cường triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động, chú trọng đến các hoạt động tự kiểm tra, chủ động kiểm soát phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm có hại tại doanh nghiệp, phòng ngừa tai nạn lao động do ngã cao, điện giật, vật rơi, đồ sập; tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động;

5. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tuyên truyền vận động người sử dụng lao động quan tâm, chú ý việc xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp làm việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật An toàn, vệ sinh lao động cho các hội viên;

6. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Hội nông dân Việt Nam và các hội nghề nghiệp tăng cường tuyên truyền, vận động người lao động, hội viên chấp hành tốt các nội quy, quy trình làm việc an toàn; sử dụng phương tiện

bảo vệ cá nhân trong lao động nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động, bảo đảm an toàn, sức khỏe và tính mạng cho người lao động./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; CQ thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, TW Hội Nông dân Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, VP Bộ, Cục ATLD (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Lê Tấn Dũng**

## PHỤ LỤC 01

**Tình hình TNLĐ của các địa phương 6 tháng đầu năm 2019  
bao gồm khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không  
theo hợp đồng lao động**

*(Kèm theo Thông báo số 3526 / TB-LĐTBXH ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao  
động - Thương binh và Xã hội)*

Stt	Địa phương	Số người chết	Số vụ chết người	Số người bị nạn	Số vụ	Số người bị thương nặng
1	Hồ Chí Minh	35	35	391	387	40
2	Hà Nội	30	30	214	191	60
3	Hải Dương	28	20	109	88	59
4	Bình Dương	21	19	53	47	8
5	Quảng Ninh	16	15	274	268	166
6	Nghệ An	16	9	75	52	15
7	Thái Nguyên	13	13	53	52	15
8	Phú Yên	13	13	27	27	6
9	Vĩnh Long	13	13	14	7	1
10	Lâm Đồng	12	12	15	12	1
11	Trà Vinh	11	11	46	46	1
12	Điện Biên	11	11	42	42	31
13	Lào Cai	11	11	22	18	10
14	Đồng Nai	9	9	686	685	82
15	Lạng Sơn	9	9	16	16	7
16	An Giang	9	7	70	68	1
17	Hải Phòng	8	8	66	66	11
18	Cao Bằng	8	8	9	8	1
19	Thái Bình	8	6	40	38	6
20	Bà Rịa- Vũng Tàu	7	7	121	120	5
21	Bắc Ninh	7	7	48	48	16
22	Long An	6	6	105	104	53
23	Tây Ninh	6	6	46	43	40
24	Vĩnh Phúc	6	6	13	9	5
25	Bình Phước	6	6	11	10	1
26	Phú Thọ	6	6	6	6	0
27	Bắc Giang	5	5	103	100	21
28	Quảng Nam	5	5	83	82	4
29	Kiên Giang	5	5	46	45	7



30	Hà Nam	5	5	23	23	3
31	Bình Định	5	2	78	78	7
32	Quảng Bình	4	5	21	21	17
33	Tiền Giang	4	4	130	129	32
34	Nam Định	4	4	103	101	4
35	Quảng Trị	4	4	48	48	30
36	Hung Yên	4	4	48	48	14
37	Đắk Lắk	4	4	16	9	7
38	Hà Tĩnh	4	4	12	11	8
39	Bến Tre	4	4	12	5	7
40	Quảng Ngãi	4	4	10	6	6
41	Gia Lai	4	4	4	4	0
42	Bắc Kan	4	2	4	4	2
43	Khánh Hòa	3	3	43	43	12
44	Đà Nẵng	3	3	36	36	6
45	Hà Giang	3	3	17	17	4
46	Thừa Thiên Huế	3	3	3	3	0
47	Lai Châu	3	1	4	3	1
48	Ninh Bình	2	3	26	26	0
49	Yên Bái	2	2	16	16	11
50	Hòa Bình	2	2	5	5	3
51	Cà Mau	2	2	4	4	2
52	Bình Thuận	2	2	2	2	0
53	Hậu Giang	1	1	43	42	6
54	Tuyên Quang	1	1	23	23	10
55	Sơn La	1	1	5	5	1
56	Kon Tum	1	1	5	3	4
57	Ninh Thuận	1	1	3	3	2
58	Đồng Tháp	1	1	2	2	1
59	Cần Thơ	0	0	78	58	4
60	Thanh Hóa	0	0	5	3	5
61	Đắk Nông	0	0	2	2	2
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0
63	Sóc Trăng	0	0	0	0	0

**PHỤ LỤC 02****Tình hình TNLĐ của các địa phương 6 tháng đầu năm 2019  
trong khu vực có quan hệ lao động**

(Kèm theo Thông báo số 3526/TB-LĐTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Stt	Địa phương	Số người chết	số vụ chết người	Số người bị nạn	Số vụ	Số người bị thương nặng
1	Hồ Chí Minh	28	28	384	380	40
2	Hải Dương	24	16	98	77	52
3	Bình Dương	21	19	53	47	8
4	Hà Nội	15	15	86	80	22
5	Quảng Ninh	14	13	272	266	166
6	Vĩnh Long	11	11	12	5	1
7	Đồng Nai	9	9	686	685	82
8	Lâm Đồng	8	8	9	8	1
9	An Giang	8	6	69	67	1
10	Bà Rịa- Vũng Tàu	7	7	121	120	5
11	Hải Phòng	7	7	65	65	11
12	Thái Nguyên	6	6	46	45	15
13	Bắc Ninh	6	6	39	39	8
14	Thái Bình	6	4	32	30	5
15	Long An	5	5	104	103	53
16	Quảng Nam	5	5	83	82	4
17	Kiên Giang	5	5	46	45	7
18	Tây Ninh	5	5	38	35	33
19	Vĩnh Phúc	5	5	12	8	5
20	Lào Cai	5	5	11	11	5
21	Phú Thọ	5	5	5	5	0
22	Bình Định	5	2	78	78	7
23	Quảng Bình	4	5	21	21	17
24	Tiền Giang	4	4	130	129	32
25	Trà Vinh	4	4	38	38	0
26	Bến Tre	4	4	12	5	7
27	Quảng Ngãi	4	4	10	6	6
28	Cao Bằng	4	4	5	4	1
29	Gia Lai	4	4	4	4	0
30	Lạng Sơn	4	4	4	4	0

31	Nam Định	3	3	102	100	4
32	Khánh Hòa	3	3	34	34	7
33	Hà Nam	3	3	21	21	3
34	Hà Tĩnh	3	3	11	10	8
35	Bình Phước	3	3	6	5	0
36	Hung Yên	2	2	35	35	10
37	Đà Nẵng	2	2	35	35	6
38	Quảng Trị	2	2	21	21	19
39	Đắk Lắk	2	2	11	4	4
40	Bắc Kan	2	2	2	2	0
41	Bình Thuận	2	2	2	2	0
42	Hà Giang	2	2	2	2	0
43	Thừa Thiên Huế	2	2	2	2	0
44	Lai Châu	2	0	3	2	1
45	Bắc Giang	1	1	95	93	17
46	Nghệ An	1	1	38	38	5
47	Tuyên Quang	1	1	23	23	10
48	Yên Bái	1	1	10	10	6
49	Sơn La	1	1	5	5	1
50	Kon Tum	1	1	5	3	4
51	Cà Mau	1	1	3	3	2
52	Ninh Thuận	1	1	3	3	2
53	Đồng Tháp	1	1	2	2	1
54	Cần Thơ	0	0	76	57	2
55	Hậu Giang	0	0	39	38	3
56	Ninh Bình	0	0	20	20	0
57	Phú Yên	0	0	12	12	4
58	Thanh Hóa	0	0	5	3	5
59	Hòa Bình	0	0	3	3	3
60	Bạc Liêu	0	0	0	0	0
61	Đắk Nông	0	0	0	0	0
62	Điện Biên	0	0	0	0	0
63	Sóc Trăng	0	0	0	0	0

### PHỤ LỤC 03

**Một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng; số vụ tai nạn lao động chuyển hồ sơ cho các cơ quan chức năng đề nghị khởi tố, số vụ đã khởi tố**  
(Kèm theo Thông báo số 3526/TB-LĐTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

#### I. MỘT SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG NGHIÊM TRỌNG

1. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 14/01/2019 tại Công trình thi công tại Cầu 8000, ấp Vĩnh Đông, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, hậu quả làm 2 người chết.

2. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 20/01/2019 tại Tàu cá BV 99986 TS, do bà Nguyễn Thị Nga chủ tàu khi đang hoạt động đánh bắt tại tọa độ: 10014'N; 107026'E (cách mũi Vũng Tàu khoảng 23 hải lý về phía Đông Nam) làm 02 người chết, 02 người bị thương.

3. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 21/01/2019 tại công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ tọa lạc: tổ 19, đường Châu Thị Tế, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang do ông Trần Văn Lật và bà Phạm Thị Kim Chi làm chủ đầu tư làm 03 người chết.

4. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 14/02/2019 tại Công ty Xây dựng văn phòng cho thuê, đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, thành Bến Tre (chủ đầu tư: Công ty Cổ phần du lịch Bến Tre, nhà thầu: Công ty Cổ phần ĐTXD Phúc An, số 17, Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10, TP. HCM), hậu quả 9 công nhân bị thương.

5. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 10/3/2019 tại Khai trường khai thác mỏ đá Pịa Viêng, Dân Chủ, Hòa An, Cao Bằng của Hợp Tác xã Trường An, hậu quả làm 02 người chết.

6. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 15/3/2019 tại Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng công nghiệp Hưng Thịnh Phát, địa chỉ: 48B, Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh nhà thầu thi công; Công ty TNHH BOHSING tỉnh Vĩnh Long làm chủ đầu tư, hậu quả làm 06 người chết, 02 người bị thương đều là người lao động của Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng công nghiệp Hưng Thịnh Phát.

7. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 24/4/2019 tại nhà đang sửa chữa, xây mới của ông Phạm Văn Nhượng (người bị nạn), ở thôn Gia Cốc, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương làm 02 người chết (hai bố con: ông Phạm Văn Nhượng - chủ nhà là chủ công trình, con trai ông Phạm Thanh Hằng), 02 người bị thương nặng.

8. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 18/5/2019 tại Công ty than Hạ Long (khu vực Hà Ráng) tỉnh Quảng Ninh do nổ khí mê tan làm 02 người chết, 03 người bị bỏng.

## **II. SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG CHUYÊN HỒ SƠ CHO CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG ĐỀ NGHỊ KHỞI TỐ**

1. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 18/11/2017, tại Công trình xây dựng De Cappella, địa chỉ: đường Lương Đình Của, phường Bình Khánh, Quận 2, Tthành phố HCM, do Công ty TNHH TMXD đầu tư phát triển nhà Hưng Thịnh, địa chỉ: 82-82A-82B-82C Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, thành phố HCM, hậu quả làm 01 người chết do điện giật. Kết luận TNLĐ ngày 10/01/2019.

2. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 05/8/2017, tại Công trình sửa chữa nhà dân, địa chỉ: 27 đường 15 Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, thành phố HCM, do thầu xây dựng tư nhân Võ Vĩnh Khanh thi công, hộ khẩu thường trú: A39E Bình Đức, xã Bình Nhân, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, hậu quả làm 01 người chết do điện giật. Kết luận TNLĐ ngày 14/02/2019.

3. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 30/9/2018, tại Nhà hàng Thoáng Việt của Công ty TNHH VK, địa chỉ: 309/1 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố HCM, hậu quả làm 01 người chết do kẹt thang máy. Kết luận TNLĐ ngày 17/01/2019.

4. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 11/09/2018, tại Công trình Xây dựng Khu trung tâm thương mại và căn hộ SaiGonHomes, địa chỉ: 819 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố HCM, do Công ty TNHH TM-TV-XD Minh Pháp thi công, hậu quả làm 02 người chết do ngã cao. Kết luận TNLĐ ngày 19/4/2019, Đoàn điều tra đã đề nghị các cơ quan chức năng khởi tố Công ty TNHH TM DV an toàn lao động Đại An (đơn vị giám sát an toàn).

5. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 30/11/2018, tại Cơ sở Nguyễn Công Lý thuộc ấp 3, đường Nguyễn Bình, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố HCM, hậu quả làm 01 người chết do nổ bồn dầu xe bồn. Kết luận TNLĐ ngày 22/4/2019.

6. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 13/10/2018, tại Công trình Xây dựng nhà ở riêng lẻ, địa chỉ: Ấp 6A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, do Tư nhân Võ Kiều Trang, hộ khẩu thường trú: 138 Nguyễn Thị Kiệu, phường Thới An, Quận 12, thành phố HCM thi công, hậu quả làm 01 người chết do điện giật. Kết luận TNLĐ ngày 23/4/2019.

7. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 12/12/2018, tại Công trình Xây dựng nhà dân, địa chỉ: 166A Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, do Cty TNHH TM DV XD Đông Đông, địa chỉ: 232/15 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, thành phố HCM thi công, hậu quả làm 01 người chết do điện giật. Kết luận TNLĐ ngày 21/5/2019.

8. Vụ TNLĐ xảy ra ngày 15/5/2018, tại công trình cải tạo nhà xưởng của Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Tiên Nga, địa chỉ: Tổ 41, Chu Mạnh Trinh, ấp Tân Cang, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hậu quả làm 02 người chết do vạt beton đè.

## **III. SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG ĐÃ KHỞI TỐ**



1. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Quyết định khởi tố bị can số 6264 ngày 10/8/2017 của Viện KSND thành phố Biên Hoà đối với ông Trần Huỳnh Tiền trong vụ TNLĐ xảy ra vào lúc 10 giờ 50 phút ngày 06/7/2017 tại Công ty TNHH Koyu & Unitek do ông James Hieu Khuu - Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật, địa chỉ: Lô C8, KCN Long Bình, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hậu quả làm 01 người chết do xe cán. Kết luận điều tra tai nạn lao động vào ngày 10/01/2019.

2. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Quyết định khởi tố bị can số 1714 ngày 24/3/2017 của Viện KSND thành phố Biên Hoà đối với ông Nguyễn Phi Hào, ngụ tại: Ấp Phước Tân 3, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh BRVT trong vụ TNLĐ xảy ra vào lúc 12 giờ 49 phút ngày 17/01/2017 tại đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hậu quả làm 01 người chết (nạn nhân Đào Anh Công là nhân viên phục vụ trên xe khách của Công ty cổ phần xe khách Phương Trang) do va chạm với xe ô tô tải. Kết luận điều tra tai nạn lao động ngày 15/01/2019.

3. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Quyết định khởi tố bị can đối với ông Đỗ Thanh Thương trong vụ TNLĐ xảy ra vào lúc 09 giờ 20 phút ngày 20/9/2017 tại Nhà máy xử lý nước thải thuộc Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa, địa chỉ: Đường số 02, khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hậu quả làm 01 người chết và 01 người bị thương nặng do ngã cao. Kết luận điều tra tai nạn lao động ngày 08/4/2019.

4. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 205 ngày 20/3/2017 đối với vụ án hình sự: Vô ý làm chết người xảy ra hồi 07 giờ 40 phút ngày 11/01/2017 tại sân kho của Công ty cổ phần Tiến Nga thuộc khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hậu quả làm 01 người chết do xe cán. Kết luận điều tra tai nạn lao động ngày 23/4/2019.

5. Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 11/6/2019 đối với ông Lương Sinh Cung về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra ngày 23/11/2018, tại đường 212, khu vực cầu cao thuộc địa phận thôn 16, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, hậu quả làm 01 người chết (bà Nguyễn Thị Huyền, giáo viên Trường tiểu học Hùng Thắng) do tai nạn giao thông.

6. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An Quyết định khởi tố bị can số 26 ngày 31/3/2019 đối với ông Hoàng Minh Tư về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra ngày 21/01/2019, tại km 663+640m, đường Hồ Chí Minh thuộc xóm Vạn Lộc, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, hậu quả làm 01 người chết (ông Lê Văn Tuấn, công nhân Công ty Cổ phần phụ gia Nhựa Mega) do tai nạn giao thông.

7. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An Quyết định khởi tố đối với ông Vũ Xuân Hân về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra ngày 25/3/2019, tại km6+500m, Quốc lộ 48E thuộc địa phận xóm Văn Lý, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, hậu quả làm 01 người chết (ông Hoàng Phúc Sơn, công nhân kỹ thuật, kiêm lái xe Công ty TNHH Tiên Hải) do tai nạn giao thông.

8. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh Quyết định khởi tố bị can số 66 ngày 18/4/2019 đối với công nhân Phạm Văn Hưng trong vụ TNLD xảy ra ngày 11/01/2019, tại Lò dọc vỉa đá vận tải mức - 150LC 11(46) dự án mở rộng công suất khu mỏ Tràng Bạch của Công ty than Uông Bí-TKV, do Công ty Xây lắp mỏ TKV thi công, hậu quả làm 01 người chết do vi phạm về an toàn lao động.

9. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố bị can đối với ông Nguyễn Ngọc Hồ và ông Nguyễn Ngọc Long về quy phạm quy định an toàn lao động đối với vụ TNLD ngày 21/01/2019 tại công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ tọa lạc: tổ 19, đường Châu Thị Tế, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang do ông Trần Văn Lật và bà Phạm Thị Kim Chi làm chủ đầu tư.

**PHỤ LỤC 04**

**Tình hình TNLĐ của các địa phương 6 tháng đầu năm 2019**  
**trong khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động**  
*(Kèm theo Thông báo số 3526/TB-LĐTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Stt	Địa phương	Số người chết	Số vụ chết người	Số người bị nạn	Số vụ	Số người bị thương nặng
1	Hà Nội	15	15	128	111	38
2	Nghệ An	15	8	37	14	10
3	Phú Yên	13	13	15	15	2
4	Điện Biên	11	11	42	42	31
5	Trà Vinh	7	7	8	8	1
6	Hồ Chí Minh	7	7	7	7	0
7	Thái Nguyên	7	7	7	7	0
8	Lào Cai	6	6	11	7	5
9	Lạng Sơn	5	5	12	12	7
10	Hải Dương	4	4	11	11	7
11	Bắc Giang	4	4	8	7	4
12	Lâm Đồng	4	4	6	4	0
13	Cao Bằng	4	4	4	4	0
14	Bình Phước	3	3	5	5	1
15	Ninh Bình	2	3	6	6	0
16	Quảng Trị	2	2	27	27	11
17	Hưng Yên	2	2	13	13	4
18	Thái Bình	2	2	8	8	1
19	Đắk Lắk	2	2	5	5	3
20	Hà Nam	2	2	2	2	0
21	Hòa Bình	2	2	2	2	0
22	Quảng Ninh	2	2	2	2	0
23	Vĩnh Long	2	2	2	2	0
24	Bắc Kan	2	0	2	2	2
25	Hà Giang	1	1	15	15	4
26	Bắc Ninh	1	1	9	9	8
27	Tây Ninh	1	1	8	8	7
28	Yên Bái	1	1	6	6	5
29	Hậu Giang	1	1	4	4	3
30	An Giang	1	1	1	1	0
31	Cà Mau	1	1	1	1	0
32	Đà Nẵng	1	1	1	1	0
33	Hà Tĩnh	1	1	1	1	0
34	Hải Phòng	1	1	1	1	0
35	Lai Châu	1	1	1	1	0
36	Long An	1	1	1	1	0
37	Nam Định	1	1	1	1	0
38	Phú Thọ	1	1	1	1	0
39	Thừa Thiên Huế	1	1	1	1	0
40	Vĩnh Phúc	1	1	1	1	0

41	Khánh Hòa	0	0	9	9	5
42	Đắk Nông	0	0	2	2	2
43	Cần Thơ	0	0	2	1	2
44	Bà Rịa- Vũng Tàu	0	0	0	0	0
45	Bạc Liêu	0	0	0	0	0
46	Bến Tre	0	0	0	0	0
47	Bình Dương	0	0	0	0	0
48	Bình Định	0	0	0	0	0
49	Bình Thuận	0	0	0	0	0
50	Đồng Nai	0	0	0	0	0
51	Đồng Tháp	0	0	0	0	0
52	Kiên Giang	0	0	0	0	0
53	Kom Tum	0	0	0	0	0
54	Ninh Thuận	0	0	0	0	0
55	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0
56	Sóc Trăng	0	0	0	0	0
57	Sơn La	0	0	0	0	0
58	Tiền Giang	0	0	0	0	0
59	Tuyên Quang	0	0	0	0	0
60	Thanh Hóa	0	0	0	0	0